

Số: 61 /2025/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 30 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định khung giá thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định khung giá thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định chi tiết khoản 3 Điều 87 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 về khung giá thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Những nội dung không quy định trong Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê mua, cho thuê không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn.

2. Các đối tượng được thuê nhà ở xã hội theo quy định của Luật số 27/2023/QH15.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Khung giá thuê nhà ở xã hội

Stt	Loại Nhà ở xã hội	Giá cho thuê tối thiểu	Giá cho thuê tối đa
		(đồng/m ² sàn sử dụng/tháng)	(đồng/m ² sàn sử dụng/tháng)
I	Nhà ở riêng lẻ		
1	Nhà riêng lẻ từ 2 đến 3 tầng, kết cấu khung chịu lực bê tông cốt thép; tường bao xây gạch; sàn, mái bê tông cốt thép đổ tại chỗ không có tầng hầm	23.208	50.297
2	Nhà riêng lẻ từ 4 đến 5 tầng, kết cấu khung chịu lực bê tông cốt thép; tường bao xây gạch; sàn, mái bê tông cốt thép đổ tại chỗ không có tầng hầm	21.658	46.929
II	Nhà chung cư		
3	Số tầng ≤ 5 không có tầng hầm	34.805	75.431
	<i>Có 1 tầng hầm</i>	40.688	88.182
4	$5 < \text{số tầng} \leq 7$ không có tầng hầm	44.807	97.170
	<i>Có 1 tầng hầm</i>	47.924	103.931
5	$7 < \text{số tầng} \leq 10$ không có tầng hầm	46.183	100.135
	<i>Có 1 tầng hầm</i>	48.327	104.784
6	$10 < \text{số tầng} \leq 15$ không có tầng hầm	48.388	104.897
	<i>Có 1 tầng hầm</i>	49.775	107.904
7	$15 < \text{số tầng} \leq 20$ không có tầng hầm	53.885	116.863
	<i>Có 1 tầng hầm</i>	54.664	118.553
8	$20 < \text{số tầng} \leq 24$ không có tầng hầm	59.999	130.093
	<i>Có 1 tầng hầm</i>	60.451	131.073
9	$24 < \text{số tầng} \leq 30$ không có tầng hầm	62.994	136.587
	<i>Có 1 tầng hầm</i>	63.260	137.163
10	$30 < \text{số tầng} \leq 35$ không có tầng hầm	68.797	149.175
	<i>Có 1 tầng hầm</i>	68.979	149.568

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

2. Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Quy định khung giá thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản Điều 4;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐ+CV VP UBND tỉnh;
- TTPVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, X5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Quế